TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2018/DS-PT Ngày 24 - 4 - 2018 V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tiêng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử

Ông Nguyễn Văn Thuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLPT-DS ngày 06/02/2018 về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2018/QĐ-PT ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của N: Ông Nguyễn Khánh L (theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2016) – có mặt.

Địa chỉ: Số 225 T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:*

Bà Trương Thị G – có mặt.

Ông Đỗ Văn S – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn S: Bà Trương Thị G (theo giấy ủy quyền ngày 19/4/2018) – có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 – có mặt.

2. NLQ2 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

3. NLQ3 – vắng mặt.

4. NLQ4 – vắng mặt.

5. NLQ5 – vắng mặt.

6. NLQ6 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

7. NLQ7 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 13, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

8. NLQ8 – vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- *Người kháng cáo*: Bà Trương Thị G – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/2/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/10/2016 ông Phạm Văn Q (*chồng N*) trên đường đạp xe đi mua thuốc về thì bị bà Trương Thị G đi xe máy cùng chiều tông gây tai nạn, khiến ông Q đập đầu xuống đường, xe máy của bà G đè lên trên. Ông Q được đưa đi cấp cứu nhưng do chấn thương sọ não quá nặng, nên ông Q đã chết vào lúc 05 giờ ngày 10/10/2016. Sau khi tai nạn xảy ra Cơ quan Công an đã lập biên bản hiện trường, đồng thời pháp y tỉnh Đắk Nông cũng yêu cầu gia đình hợp tác cho mổ tử thi để xác định nguyên nhân chết nhằm phục vụ cho mục đích điều tra, nhưng gia đình bà G đến van xin tha lỗi, ông S bà G đã tự nguyện hứa sẽ bồi thường cho gia đình bà số tiền 100.000.000 đồng thì được gia đình bà đồng ý. Do đó, gia đình bà đã làm đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với bà G, không đồng ý cho Cơ quan Điều tra khám nghiệm tử thi để xác định nguyên nhân chết. Sau khi gia đình bà làm đơn đề nghị không xử lý hình sự thì gia đình bà G đã đến bồi thường cho gia đình bà 50.000.000 đồng số tiền còn lại gia đình bà G hứa 02 ngày sau đến đưa tiếp để lo hậu sự nhưng đến nay gia đình bà G vẫn không bồi thường số tiền 50.000.000 đồng còn lại như thỏa thuận.

Căn cứ vào Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin bào về tội phạm hoặc kiến nghị về khởi tố số 51/TB ngày 28/12/2016 xác định bà G điều khiển xe máy không làm chủ tốc độ và không chú ý quan sát, đã va chạm với xe đạp cùng chiều của ông Phạm Văn Q điều khiển. Như vậy, căn cứ vào thông báo trên thì bà G là người có lỗi, bà G ông S đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà là 100.000.000 đồng, hai bên đã viết giấy cam kết, bà G ông S đã bồi thường được

50.000.000 đồng. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà G ông S phải bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Trương Thị G và ông Đỗ Văn S trình bày: Bà G cơ bản thống nhất với lời trình bày của N. Tuy nhiên, bà G cho rằng tai nạn xảy ra ông Q cũng là người có lỗi. Mặt khác, gia đình bà kinh tế khó khăn nên đề nghị được giảm số tiền bồi thường.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8 là con của N và ông Q không có yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NLQ2 trình bày: Ông là em trai bà G, sau khi tai nạn xảy ra ông có tham gia đứng ra thỏa thuận, cam kết với gia đình N, gia đình bà G đồng ý bồi thường cho gia đình N 100.000.000 đồng, gia đình bà G đã đưa được 50.000.000 đồng, ông đề nghị gia đình N giảm bớt số tiền bồi thường còn lại cho gia đình bà G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 604, Điều 605, Điều 606, Điều 607, Điều 610 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trần Thị N.

Buộc bà Trương Thị G phải bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N buộc ông Đỗ Văn S phải liên đới cùng bà Trương Thị G chịu nghĩa vụ bồi thường.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/01/2018 bà Trương Thị G làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án số: 15/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Bà cho rằng: Tai nạn xảy ra có một phần lỗi của ông Phạm Văn Q, không có kết luận về khoa học để xác định nguyên nhân chết của ông Q do đó, chưa đủ cơ sở để buộc bà phải chịu trách nhiệm về dân sự là bao nhiêu tiền. Tại bản kết thúc điều tra ngày 28/12/2016 của Cơ quan Công an thể hiện về phần dân sự hai bên chỉ thỏa thuận 50.000.000 đồng, bà đã giao số tiền này cho N nên bà không phải trả tiếp số tiền 50.000,000 đồng còn lại.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Trương Thị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi tranh tụng tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Trương Thị G, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Trương Thị G trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Trương Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Bà G cho rằng tai nạn xảy ra có một phần lỗi của ông Phạm Văn Q là không có căn cứ bởi lẽ: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/10/2016 bà Trương Thị G đi xe máy biển số 52M2-7406 va chạm với ông Phạm Văn Q. Tại văn bản kết thúc điều tra số 03/KTĐT ngày 28/12/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định: Do bà G điều khiển xe không làm chủ được tốc độ và không giữ khoảng cách an toàn nên đã va chạm với xe đạp cùng chiều do ông Q điều khiển, hành vi của bà G đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ. Tại biên bản xác minh ngày 27/11/2017 Công an huyện C xác định: Bà G là người có lỗi, lý do không khởi tố vụ án là do gia đình N ngăn cản không cho Cơ quan điều tra khám nghiệm tử thi.

[2.2]. Bà G cho rằng việc không xác định được nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông Q nên không có căn cứ để buộc bà phải chịu trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử xét thấy, tại nạn xảy ra làm ông Q bị thương và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk, sau đó một ngay ông Q chết. Tại bản tóm tắt bệnh án điều trị ngày 08/12/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk chuẩn đoán khi ra viện ông Q bị chấn thương sọ não nặng. Việc Cơ quan Điều tra không xác định được nguyên nhân chết là do giữa gia đình N và bà G đã có thỏa thuận về việc bồi thường nên gia đình N ngăn cản việc khám nghiệm tử thi. Mặt khác, ngay sau khi tai nạn xảy ra gia đình bà G đã chủ động nhận lỗi (*theo giấy cam kết ngày 09/10/2016 có chữ ký của bà G, bút lục 15).* Tại "giấy biên nhân giao tiền đền bù tai nạn giao thông" ông S bà G đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình N 100.000.000 đồng. Tuy giấy biên nhận này không có chữ ký của bà Gường nhưng quá trình làm việc bà G đều thừa nhận việc thỏa thuận này (BL 85, 86, 87) và thực tế đã bồi thường được 50.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp

sơ thẩm buộc bà G phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà N là có căn cứ.

[2.3]. Về mức bồi thường Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản thỏa thuận ngày 09/10/2016 các bên đã thỏa thuận mức bồi thường là 100.000.000 đồng, việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dân áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thỏa thuận mức bồi thường và buộc bà G tiếp tục bồi thường cho Gia đình bà N 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Từ phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu kháng cáo của bà G là không có căn cứ. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị G

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Áp dụng Điều 2, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 604, Điều 605, Điều 606, Điều 607 và Điều 610 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc bà Trương Thị G phải bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) cho bà Trần Thị N. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N buộc ông Đỗ Văn S phải liên đới cùng bà Trương Thị G chịu nghĩa vụ bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị G phải chịu 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Trương Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0001022 ngày 08/01/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

K’Tiêng